

THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ:

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM - QUỐC KHÁNH 2/9

TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG LỘT TRỌN VẸN - NHỮNG BÀI HỌC SÁNG TẠO

“**C**ách mạng là sáng tạo” (Lenin), “Sao chép trong đời sống, trong cuộc cách mạng không bao giờ tốt cả” (Fidel Castro) - thực tiễn lịch sử và đời sống đều khẳng định những điều đó. Những gì đã diễn ra ở Việt Nam trong tháng 8-1945 càng khẳng định những điều đó.

Sáng tạo xây dựng lực lượng, đón đúng thời cơ

Thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam, là kết quả của đường lối đúng đắn kiên trì xây dựng lực lượng cách mạng - lực lượng tổng hợp, kết hợp sức mạnh của nhiều lực lượng cụ thể: lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, lực lượng lãnh đạo, lực lượng quần chúng....



Chiếm phủ Khâm sai ở Hà Nội. (Ảnh tư liệu)

Đông đảo quần chúng thuộc nhiều tầng lớp được tổ chức trong những Hội Cứu quốc là thành viên của *Mặt trận Việt Minh*: Nông dân cứu quốc; Công nhân cứu quốc; Thanh niên cứu quốc; Phụ nữ cứu quốc; Phụ lão cứu quốc; Văn hóa cứu quốc... đã làm cho Việt Minh phát triển ngày càng rộng rãi, tạo nên những chuyển biến mạnh mẽ trong thời kỳ tiền khởi nghĩa. Thông qua *Mặt trận Việt Minh*, Đảng xây dựng được khối lực lượng chính trị quần chúng mạnh mẽ, được rèn luyện qua những cuộc đấu tranh. Đây là yếu tố quan trọng nhất để Đảng có thể lãnh đạo thành công cuộc Tổng khởi nghĩa của đông đảo quần chúng nhân dân.

Cũng do sự phát triển rộng khắp của phong trào Việt Minh, Đảng đã có điều kiện duy trì các đội du kích, xây dựng những khu căn cứ địa, hình thành và phát triển lực lượng vũ trang. Cho đến trước những ngày Tháng Tám năm 1945 lịch sử, lực lượng vũ trang cách mạng đã đủ sức đóng vai trò là lực lượng nòng cốt, xung kích, hỗ trợ lực lượng chính trị của quần chúng. Hoạt động của lực lượng vũ trang tập trung, của các đội du kích, của các đội tự vệ tuyên truyền bán vũ trang... sôi nổi, rộng khắp trong cả nước đã tạo điều kiện cho quần

chúng nổi dậy khởi nghĩa từng phần ở nhiều nơi, tạo tiền đề trực tiếp cho Tổng khởi nghĩa thắng lợi.

Từ khi về nước (tháng 1-1941), trực tiếp lãnh đạo cách mạng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã tìm cách đặt mối liên hệ với Đồng minh chống phát-xít cho cách mạng Việt Nam, để cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Việt Nam hòa nhập trong cuộc đấu tranh chung của toàn nhân loại. Người đã thiết lập được những mối quan hệ với các lực lượng chống Nhật ở Trung Khánh, với các cơ quan quân sự và tình báo Mỹ ở Côn Minh. Đây là điều mới của cách mạng Việt Nam trong bối cảnh tình hình mới. Đây cũng là sáng tạo lớn của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc huy động tối đa các nguồn lực cho cách mạng.

Khi thời cơ lịch sử đã đến, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu quyết tâm cho toàn Đảng, toàn dân: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới. Dù phải hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập” (*Đại tướng Võ Nguyên Giáp (1994), Những chặng đường lịch sử, Nxb CTQG, Hà Nội, tr.196*). Lời kêu gọi của Người như tiếng sấm lệnh, nhân dân cả nước đồng loạt đứng lên theo tiếng gọi thiêng liêng của khí phách núi sông, giành lại độc lập thành công.

Sáng tạo ứng phó với các tình huống

Trong Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 nổi lên những đường nét sáng tạo đặc sắc khi tiến hành khởi nghĩa ở các địa phương. Đó là sự táo bạo, kiên quyết trong việc nắm thời cơ và phát động khởi nghĩa, là sự

linh hoạt vận dụng những hình thức đấu tranh đa dạng phù hợp với những diễn biến tình hình cụ thể tại chỗ lúc đó, là sự nhạy bén, năng động ứng phó với những diễn biến bất ngờ trong khi tiến hành khởi nghĩa...

Ở nhiều nơi, các Ủy ban khởi nghĩa đã táo bạo chỉ đạo chiếm diễn đàn các cuộc mít-tinh do địch tổ chức, biến các cuộc mít-tinh này thành các cuộc mít-tinh ủng hộ Việt Minh. Nhiều cuộc chiếm diễn đàn mít-tinh đã chuyển thành cuộc đấu tranh khởi nghĩa giành chính quyền một cách mau lẹ. Các cuộc chiếm diễn đàn mít-tinh diễn ra ở nhiều nơi. Điển hình là ở Hà Nội ngày 17-8, ở Khánh Hòa ngày 19-8, ngày 20-8 ở tỉnh Ninh Thuận, Đắc Lắc, Bạc Liêu...

Ở Đông Dương khi đó, lực lượng quân đội Nhật vẫn có sức chiến đấu mạnh, với đầy đủ vũ khí. Đối sách của ta đối với quân Nhật là trung lập và vô hiệu hóa lực lượng này. Ở nhiều nơi, Ban chỉ huy khởi nghĩa cử đại diện đến giải thích rõ chủ trương của Việt Minh không tấn công quân Nhật nếu quân Nhật không can thiệp vào khởi nghĩa của nhân dân. Nhờ có đối sách đúng và các biện pháp đối phó có hiệu quả nên ta đã hạn chế được tối đa phản ứng tiêu cực của quân Nhật. Tuy nhiên vẫn có nơi xảy ra những tình huống ngoài dự kiến.

Trong ngày khởi nghĩa ở Hà Nội, quân Nhật sợ ta chiếm Trại bảo an binh và thu được vũ khí ở đây sẽ quay lại tiến công chúng. Tình huống trở nên căng thẳng khi Nhật đưa xe tăng và binh lính tới đòi thu vũ khí lực lượng của ta. Ủy ban khởi nghĩa đã cử đại diện đến Bộ chỉ huy quân Nhật thuyết phục lực lượng này tôn trọng những quyết định của nhân dân Việt

Nam. Cuộc thương lượng khéo léo thành công đã giải toả được cuộc bao vây của quân Nhật. Nếu để xảy ra xung đột, tình huống sẽ rất phức tạp, cực kỳ nguy hại cho cuộc khởi nghĩa. Khi đó lực lượng Quân đoàn 38 của Nhật, với hơn một vạn quân đầy đủ vũ khí đóng giữ quanh Hà Nội vẫn có thể nổ súng vào lực lượng khởi nghĩa với nhiều lý do: để tự vệ, để giữ gìn trật tự chờ quân Đồng minh tới... Việc tránh được xung đột với quân đội Nhật đã hoàn thiện bức tranh thắng lợi triệt để, nhanh gọn và không đổ máu của cuộc khởi nghĩa ở Thủ Đức. Đây cũng là nét ứng biến sáng tạo độc đáo của Ủy ban khởi nghĩa Hà Nội khi đối diện với tình huống bất lợi trong lúc tiến hành khởi nghĩa.

Ở nhiều huyện, tỉnh, dù *Lệnh Tổng khởi nghĩa* chưa tới nhưng Ban chỉ huy khởi nghĩa đã kịp thời vận dụng tinh thần của Chỉ thị *Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* (ngày 12-3-1945) nhạy bén, sáng tạo phát động nhân dân khởi nghĩa và giành chính quyền thành công.

Âm hưởng thành công của cuộc khởi nghĩa vang dội ở Hà Nội còn lan nhanh theo đường bưu điện. Ngay sau khi giành chính quyền thắng lợi, chiều 19-8, đồng chí Trần Tử Bình, Thường vụ Xứ ủy, đã dùng điện thoại gọi tới trụ sở các tỉnh khác thông báo Hà Nội đã khởi nghĩa thành công và yêu cầu những người đứng đầu nhiệm sở ở đó trao chính quyền cho nhân dân. Cách mạng Tháng Mười năm 1917 ở Nga được ví là “Cuộc cách mạng điện tín”, “lan nhanh như mũi thuốc súng” (Lenin). Ký giả John Reed (Mỹ) viết bút ký nổi tiếng *Mười ngày rung chuyển thế giới* (1919). Còn

ở Việt Nam trong Tháng Tám năm 1945, nhà sử học Pháp Henri Aza viết trong tài liệu *Chín ngày rung chuyển Đông Dương*: “Khi Đồng minh đến, Việt Minh có mặt ở khắp mọi nơi. Duy nhất có nước Pháp vắng mặt lúc điểm danh. Chính phủ Pháp phản ứng không nhanh bằng ông Hồ...”

... Ngày 13-8 người ta mới ký lệnh thả xuống Đông Dương một bộ xâu: Cedile xuống miền nam, Metxme xuống miền bắc làm Ủy viên nước Cộng hòa Pháp. Từ ngày ký đến ngày thực hiện lệnh này là chín ngày (từ ngày 13-8 đến 22-8). Chín ngày ấy là những ngày cốt yếu về chính trị, rung chuyển toàn bộ Đông Dương. Toàn bộ quỹ thời gian này đều trong tay ông Hồ điều khiển” (*Tư liệu Viện Hồ Chí Minh, Việt Minh Hoàng Diệu, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2001, tr.475*)

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 để lại nhiều bài học sáng tạo. Đó là bài học sáng tạo khi xây dựng đồng thời không ngừng củng cố sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy nội lực; sáng tạo khi chủ động và năng động mở rộng các mối quan hệ quốc tế, tăng thêm ngoại lực cho cách mạng; sáng tạo, nhạy bén nắm bắt chọn đúng thời cơ và ứng phó kịp thời với các diễn biến mới của tình hình...

Những bài học sáng tạo từ cuộc cách mạng vĩ đại của dân tộc cách đây 72 năm vẫn còn nhiều điều để chúng ta nhìn nhận và vận dụng hôm nay trước thời cơ và nguy cơ, trước vận hội và thách thức.

**TS NGÔ VƯƠNG ANH /
Báo Nhân dân**

TIẾP BƯỚC CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

Không chỉ mở ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam, tinh thần quật khởi và những bài học lịch sử vô giá của Cách mạng Tháng Tám đã trở thành động lực tinh thần to lớn, giúp toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết một lòng, đánh thắng các thế lực ngoại xâm, thực hiện thống nhất đất nước và đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong công cuộc đổi mới.

Giành chiến thắng vĩ đại trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước

Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa mới ra đời đã phải đương đầu với muôn vàn khó khăn. Trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã phát huy cao độ sáng tạo, khéo léo, lãnh đạo nhân dân bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai.



Ngày 19/8/1945, tại Quảng trường Nhà hát Lớn, hàng vạn người dân Thủ đô dự Lễ mít tinh chào mừng Ủy ban Quân quản. Ảnh: Tư liệu TTXVN

Đêm 19-12-1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Đại diện cho tinh thần yêu nước và ý chí đấu tranh bất khuất của dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, thúc giục toàn dân đứng lên cứu nước. Đáp lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ

Chí Minh, quân và dân cả nước ta với ý chí “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh” đã nhất tề đứng lên tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, mở đầu là cuộc chiến đấu của quân và dân Thủ đô Hà Nội. Sau chín năm chiến đấu vô cùng oanh liệt, quân và dân ta đã đánh thắng thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”.

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cách mạng Việt Nam đứng trước những thách thức chưa từng có trong lịch sử dân tộc. Đất nước bị chia làm hai miền với hai chế độ chính trị đối lập nhau.

Từ thực tiễn đấu tranh cách mạng của hai miền đất nước và xu thế của thời đại, Đảng đã quyết định tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng ở hai miền: cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, nhằm mục tiêu chung chống Mỹ, cứu nước, hoàn thành độc lập, thống nhất đất nước.

Kết hợp mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ này được thể hiện ở việc xác định nhiệm vụ cách mạng của mỗi miền đất nước. Đồng thời, Đảng ta đã nêu rõ vị trí và mối quan hệ giữa hai chiến lược cách mạng ở hai miền. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp cho thắng lợi của cuộc chiến tranh giải phóng. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò quyết định đối với sự nghiệp cách mạng của cả nước. Tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng dưới sự lãnh đạo thống nhất của một chính đảng là đặc điểm hết sức độc đáo của cách mạng Việt Nam.

Kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn này là sự kết hợp tiền tuyến với hậu phương, dân tộc với quốc tế, chiến đấu và xây dựng... Giải quyết đúng đắn các mối quan hệ đó, hai miền Nam - Bắc đã tạo nên sức mạnh to lớn hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc: "Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi của cả hai chiến lược cách mạng được tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ với nhau" (Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, t.37, tr. 489-490). Đó là thắng lợi của sức mạnh tổng hợp, sức mạnh của ý chí, tinh thần quyết tâm giành độc lập dân tộc kết hợp đồng thời với sức mạnh của chủ nghĩa xã hội trong cách mạng Việt Nam.

Đạt được những thành tựu to lớn trong công cuộc đổi mới

Sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta tập trung trí lực, ra sức hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng cuộc sống mới, thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.



Hoạt động vận chuyển hàng hóa tại Tân Cảng Sài Gòn. Ảnh: Thế Anh/TTXVN

Hơn 40 sau năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Đặc biệt, những thành tựu có được sau hơn 30 năm đổi mới đã làm thay đổi đời sống mọi mặt của người dân và

hình ảnh đất nước Việt Nam trong mắt cộng đồng quốc tế.

Từ một nước nghèo, kém phát triển, bị tàn phá nặng nề bởi chiến tranh, Việt Nam đã nỗ lực vươn lên trở thành một quốc gia đang phát triển. Sau 30 năm đổi mới, tăng trưởng kinh tế bình quân đạt gần 7%/năm; quy mô và tiềm lực của nền kinh tế không ngừng tăng lên: GDP tăng gấp gần 7 lần và kim ngạch xuất khẩu tăng gấp hơn 200 lần. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, công nghiệp và dịch vụ năm 2016 đã chiếm trên 73% trong tổng GDP; GDP bình quân đầu người năm 2016 đạt khoảng 2.215 USD; Kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội phát triển khá nhanh với nhiều công trình hiện đại, tạo diện mạo mới cho đất nước.



Công nhân lắp ráp ô tô tại Nhà máy ô tô Hyundai Thành Công Việt Nam. Ảnh: Thống Nhất/TTXVN

Tiến bộ, công bằng xã hội, phát triển văn hóa và công cuộc xây dựng nông thôn mới đạt được nhiều kết quả tích cực. An sinh xã hội cơ bản được bảo đảm, phúc lợi xã hội và đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh, năm 2016 còn dưới 10% (theo chuẩn nghèo đa chiều). Đã có hơn 98% số hộ gia đình được sử dụng điện lưới quốc gia. Tuổi thọ trung bình tăng từ 64,8 tuổi năm 1986 lên khoảng 73,4 tuổi năm 2016. Đã hoàn thành trước thời hạn nhiều Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc.

Quốc phòng, an ninh được tăng cường, chủ quyền quốc gia được giữ vững. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế được chủ động đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả tích cực. Đến nay nước ta đã có quan hệ ngoại giao, thương mại và đầu tư với hầu hết các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Tính đến ngày 20-7-2017, cả nước có 23.737 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 307,86 tỷ USD. Vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao.

Công tác xây dựng Đảng, xây dựng nhà nước pháp quyền, xây dựng hệ thống chính trị được đẩy mạnh và dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng được phát huy. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường.

Có thể thấy, những thành tựu đạt được trong suốt những năm qua sẽ là cơ sở và tiền đề quan trọng, quý báu để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn nữa trong giai đoạn mới.

**Minh Duyên (tổng hợp) /
Báo Tin tức TTXVN**

NGƯỜI TỔ CHỨC LẬP ĐỘI THANH NIÊN TUYÊN TRUYỀN XUNG PHONG THÀNH HOÀNG DIỆU

Thật hết sức ngỡ ngàng khi biết ông là người đầu tiên có sáng kiến tổ chức ra hai lực lượng: Đội Thanh niên tuyên truyền xung phong Thành Hoàng Diệu và Đội Danh dự trừ gian - Hai lực lượng đã góp phần quan trọng vào cao trào tiền khởi nghĩa, tiến tới giành chính quyền thắng lợi ở Thủ đô Hà Nội trong những ngày Tháng Tám lịch sử, thiết lập Chính quyền Dân chủ Nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á.



Ông là Vũ Oanh, sinh năm 1924 ở làng Vĩnh Lại, xã Vĩnh Tuy, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Từ tuổi niên thiếu học Trường Kê Sắt ở quê, ông đã được thầy giáo Lê Đức Linh kể về

gương các anh hùng dân tộc đánh giặc ngoại xâm. Mạch nguồn yêu nước được anh trai Vũ Duy Hiệu vừa thoát khỏi nhà tù Côn Đảo năm 1936 bồi đắp thêm. 15 tuổi (1939), lên học Trường Bưởi, ông bí mật gặp gỡ, tâm tình với các bạn thân; năm sau (1940) thì lập tổ chức bí mật của học sinh Trường Bưởi lấy tên là Đội Ngô Quyền. Ban đầu, Đội có 8 người, do ông làm Đội trưởng. Chỉ trong thời gian ngắn, Đội đã phát triển lên 40 đội viên.

Từ đây, Đội Ngô Quyền đã trở thành nòng cốt trong lực lượng Thanh niên cứu quốc (TNCQ) Trường Bưởi nói riêng, TNCQ Hà Nội nói chung. Tháng 9-1942, tại một điểm canh đê ở Gia Lâm, ông Vũ Oanh được kết nạp vào Đảng. Một con đường mới đã mở ra cho người đảng viên mới 18 tuổi

Ông lý giải vì sao lập Đội Thanh niên tuyên truyền xung phong thành Hoàng Diệu (TNTTXPTHĐ) vào cuối năm 1944: Chỉ thị ngày 7-5-1944 của Tổng bộ Việt Minh “Sửa soạn khởi nghĩa” là cẩm nang cho chúng tôi hành động. Là Ủy viên Ban cán sự đảng Hà

Nội, phụ trách công tác Thanh vận, tôi suy nghĩ, phải lấy lực lượng TNCQ làm xung kích, hoạt động tuyên truyền bán vũ trang. Tôi trình bày với anh Nguyễn Khang, Thường vụ Xứ ủy.

Cuối tháng 12-1944, bốn đội viên đầu tiên của Đội được chọn lựa, bắt đầu chọn địa bàn hoạt động tuyên truyền là ngoại thành rồi tiến dần vào nội thành. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), Đội trở thành Đoàn TNTTXPTHĐ với trên 60 đội viên ở 3 Liên đội. Đêm 13-3-1945, Đội đã rải toàn bộ 5.000 tờ truyền đơn được giao khắp thành phố. Các hoạt động tuyên truyền có vũ trang được đẩy mạnh trong mùa hè sôi sục năm 1945 ở nhiều nơi: chợ Canh, Mễ Trì, Vườn Bách thảo, Nhà hát Lớn... Đặc biệt, trong cao trào tiền khởi nghĩa, đoàn viên của Đoàn TNTTXPTHĐ đã hết sức năng động, tích cực mua và sắm vũ khí, có hẳn kho súng ở Trôi - Sấu và ở Thịnh Liệt, góp phần tổ chức nhiều hoạt động táo bạo: làm nòng cốt cho nhân dân trong các cuộc phá kho thóc ở làng Mọc; diễn thuyết ở Trường Kỹ nghệ thực hành... hô hào nhân dân đánh Pháp đuổi Nhật.

Từ ngày 17 đến 19-8-1945, Đoàn TNTTXPTHĐ có vũ trang cùng với lực lượng tự vệ, làm nòng cốt cho toàn dân vùng lên giành chính quyền.

Sáng kiến thành lập Đội Danh dự trừ gian do chính ông Vũ Oanh đề xuất với Thành ủy. Tôi băn khoăn hỏi ông: - Bác phụ trách Thanh vận, nhưng lại có sáng kiến tổ chức ra Đội Danh dự trừ gian, đúng là thực tiễn khiến cán bộ Hà Nội đi trước cả chủ trương của Trung ương ả?

Ông cười sảng khoái: - Đúng vậy! Sau ngày đảo chính Pháp, phát xít Nhật càng tăng cường lực lượng mật thám, tay sai, tăng cường vây ráp ngày đêm, quyết tâm tiêu diệt lực lượng Cách mạng. Để bảo vệ lực lượng và phát triển phong trào, tôi đề nghị với Thành

ủy Hà Nội cho thành lập đội vũ trang đặc biệt để tiêu trừ những tên Việt gian đầu sỏ nguy hiểm nhất ở Hà Nội và cảnh cáo bọn Việt gian khác. Ngày 1-4-1945, tại số nhà 101 đại lộ Gambetta, Đội do tôi trực tiếp chỉ đạo được thành lập gồm ba người với bí danh là Đội AS.

Những hoạt động có hiệu quả của Đội giúp Xứ ủy có căn cứ thực tiễn để ra quyết định cho các tỉnh Bắc Bộ thành lập Đội Danh dự trừ gian. Đội phát triển thêm 6 đội viên nữa và có tên là Đội Danh dự trừ gian trực thuộc thẳng Xứ ủy Bắc Kỳ, do ông Nguyễn Văn Trân, Bí thư Xứ ủy chỉ đạo. Chín đội viên của Đội đã có những trận đánh kỳ tài, diệt trừ các tên tay sai sừng sỏ cho giặc Nhật như Nguyễn Duy Mỹ, Phán Sinh, Trương Tự Anh... Sau này, Đoàn TNTTXPTHĐ và Đội Danh dự trừ gian được Thành ủy, UBND thành phố, Quân khu Thủ đô công nhận là các tổ chức tiền thân của lực lượng vũ trang Thủ đô.

Ông Vũ Oanh xúc động nói: "Hàng năm, tôi vẫn cố gắng đi thăm hơn 10 gia đình đã nuôi giấu tôi: Nhà bà Từ Mai Trang (số 6 Hàng Đào), nhà ông Lê Văn (ở 46 Bát Đàn), nhà ông Minh Đăng (ở Hàng Sắt); nhà ông Lê Quân (ở 96 Hàng Bột); nhà ông Nguyễn Thụy Ứng (ở số 6 Hàng Giấy); nhà ông Thung (ở phố Huế), nhà ông Thân (ở Thụy Khuê), nhà cụ Hai Chú (ở làng Cót, là gia đình nhạc sĩ Doãn Nho), nhà ông Lê Đức Nguyệt (ở Phương Liệt)... Cuộc đời tôi đã trải nhiều miền đất nước, nhưng nơi ghi dấu nhiều kỷ niệm nhất, chính là Hà Nội".

Ông Vũ Oanh đã được Đảng và Nhà nước tặng Huân chương Hồ Chí Minh năm 1999 và Huân chương Sao vàng năm 2007. Nhưng với nhân dân Bình Giang, ông giản dị là người con của dòng họ Vũ.

**Th.S Phạm Kim Thanh /
Báo Hà Nội mới**

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ BÀI HỌC VỀ NẮM BẮT THỜI CƠ

Cách đây 72 năm, Cách mạng Tháng Tám vĩ đại nổ ra và giành thắng lợi trong cả nước chỉ trong vòng hai tuần lễ. Có được điều kỳ diệu đó chính là nhờ quá trình chuẩn bị chu đáo, tạo thế, tạo lực và khi thời cơ lớn xuất hiện, Đảng Cộng sản Đông Dương đã kịp thời biết nắm bắt, phát động toàn dân khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Hay nói như nguyên Tổng Bí thư Trường Chinh: “Mau lẹ, kịp thời nổ ra đúng lúc phải nổ - đó là một trong những ưu điểm nổi bật của Cách mạng Tháng Tám” (1).

Trong quá trình xác định thời cơ phát động toàn dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước, lãnh tụ Hồ Chí Minh và Ban Thường vụ Trung ương (TVTU) Đảng đã phân tích một cách khoa học và đánh giá cao mối quan hệ giữa cách mạng Đông Dương với cuộc chiến tranh của các nước Đồng minh chống phát xít; luôn coi trọng cả yếu tố khách quan lẫn chủ quan, trong đó đặc biệt nhấn mạnh yếu tố chủ quan có ý nghĩa quyết định nhất. Trong Chỉ thị “*Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*” ngày 12-3-1945, Ban TVTU Đảng đã khẳng định: “*Dù sao ta không thể đem việc quân Đồng minh đổ bộ vào Đông Dương làm điều kiện tất yếu cho cuộc Tổng khởi nghĩa*” và dự kiến “*nếu tình thế chuyển biến thuận lợi thì dù quân Đồng minh chưa đổ bộ, cuộc tổng khởi nghĩa của ta vẫn có thể bùng nổ và thắng lợi*”(2). Đánh giá tình hình cách mạng Đông Dương lúc này, Đảng ta cho rằng: “*Những điều kiện khởi nghĩa chưa thực chín muồi; những cơ hội tốt đang giúp cho những điều kiện khởi nghĩa mau chín muồi*”. Trên cơ sở đó, Đảng đã phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước rộng khắp với những hình thức

đấu tranh phong phú và cao hơn giai đoạn trước; cùng với đó là đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh. Có thể nói, với bản Chỉ thị “*Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*” ngày 12-3-1945 của Ban TVTU Đảng, Cách mạng Việt Nam đã bước sang một thời kỳ mới – Thời kỳ tiền khởi nghĩa. Tại nhiều địa phương trong cả nước, các cuộc khởi nghĩa từng phần đã liên tiếp nổ ra. Ở các thành phố, thị xã, các hoạt động tuyên truyền, động viên quần chúng nhân dân tham gia và ủng hộ Mặt trận Việt Minh, chuẩn bị khởi nghĩa được đẩy mạnh rầm rộ. *Hội nghị quân sự cách mạng Bắc kỳ* diễn ra trung tuần tháng 4-1945 đã quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang cách mạng trong cả nước thành Việt Nam giải phóng quân, phân chia các chiến khu, cử Ủy ban Quân sự cách mạng Bắc kỳ...



Cuộc mít-tinh phát động khởi nghĩa giành chính quyền do Mặt trận Việt Minh tổ chức tại Nhà hát Lớn Hà Nội ngày 19-8-1945. Ảnh tư liệu.

Trong khi đó thì trên chiến trường châu Âu, phát xít Đức đã bại trận, hòa bình đã được lập lại trên toàn châu Âu và châu Phi. Tại châu Á, quân phát xít Nhật cũng đang bị đẩy lùi dần về thế phòng ngự chiến lược. Hội nghị Potsdam ra tuyên bố chung đòi Nhật Bản đầu hàng vô điều kiện và quyết định mở cuộc tiến công cuối cùng vào các

đạo quân của Nhật Bản cho tới khi Nhật Bản chấm dứt mọi việc kháng cự.

Ngày 6-8, Mỹ ném quả bom nguyên tử đầu tiên xuống thành phố Hi-rô-si-ma (Nhật Bản). Hai ngày sau, Liên Xô tuyên bố hủy bỏ Hiệp định trung lập đã ký với Nhật Bản năm 1941 và chính thức tuyên chiến. Trước tình hình đó, đêm ngày 9-8, *Hội đồng tối cao chỉ đạo chiến tranh* của Nhật Bản đã nhóm họp nhằm tìm ra lối thoát. Cùng thời điểm đó, Mỹ cho ném quả bom nguyên tử thứ hai xuống thành phố Na-ga-sa-ki. Trước tình thế “lưỡng đầu thụ địch”, mặc dù không tìm được tiếng nói chung nhưng Nhật hoàng Hi-rô-hi-tô đã buộc phải chấp nhận bản Tuyên bố Pôt-xđam với yêu cầu được sửa lại một số điểm trong bản Tuyên bố đó.

Mặc dù, đây chưa phải là một bản tuyên bố “đầu hàng vô điều kiện” của Nhật Bản, mà chỉ mới là “một đề nghị ngừng bắn”. Song, với tầm nhìn chiến lược nhạy bén, trên cơ sở phân tích một cách khoa học về thời cơ, lãnh tụ Hồ Chí Minh cùng với Ban TVTU Đảng đã phát lệnh Tổng khởi nghĩa trên phạm vi cả nước. Nửa đêm ngày 13-8-1945, từ Đại bản doanh trong ATK Việt Bắc, bản *Quân lệnh số 1* đã được phát đi.

Trưa ngày 15-8-1945, Nhật hoàng Hi-rô-hi-tô thông qua làn sóng của Đài phát thanh quốc gia chính thức tuyên bố “Chấp nhận bản Tuyên bố Pôt-xđam để tránh đổ máu kéo dài”. Tuy nhiên, điều đáng nói là tuyên bố đó đã không được truyền đạt kịp thời tới Tư lệnh các đạo quân Nhật Bản, trong đó có Tư lệnh đạo quân Phương Nam ở Đông Dương.

Ngày 19-8, trong khi Hồng quân Liên Xô đánh tan Đạo quân Quan Đông và làm chủ Mãn Châu thì tại Hà Nội, cuộc Tổng khởi nghĩa thắng lợi, chính quyền về tay nhân dân. Như một phản ứng dây chuyền, các địa phương trong

cả nước lần lượt khởi nghĩa giành chính quyền thành công trong những ngày cuối tháng 8-1945.

Ngày 2-9-1945, khi mà trên chiến hạm Mit-xu-ri đang bỏ neo trong vịnh Tô-ky-ô, Nhật Bản chính thức ký các văn kiện chấp nhận đầu hàng Đồng minh vô điều kiện, thì tại Vườn hoa Ba Đình lịch sử, Hồ Chí Minh long trọng đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 của nhân dân Việt Nam nổ ra và thành công trong bối cảnh Quân đội Nhật Bản chưa đầu hàng các lực lượng Đồng minh chống phát xít và đạo quân Phương Nam ở Đông Dương hăng còn đang sung sức. Điều này càng cho thấy sự lãnh đạo sáng suốt, nhạy bén và kịp thời của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, đứng đầu là Lãnh tụ Hồ Chí Minh.

Thời cơ Tổng khởi nghĩa chỉ xuất hiện trong một khoảng thời gian rất ngắn, trong vòng hai tuần lễ, nhưng đó là “thời cơ vàng” mà Đảng ta đã chớp lấy lãnh đạo toàn dân, dốc toàn lực tung ra đòn quyết định giành chính quyền trong cả nước. Tổng khởi nghĩa nổ ra vào thời điểm khi mà ở trong nước, cao trào kháng Nhật, cứu nước đã phát triển lên đến đỉnh cao, quân đội Nhật Bản ở Đông Dương mất nhuệ khí, không còn chỗ dựa, nhiều đơn vị quân Nhật đã bị “trung lập hóa”; quân đội Anh, Pháp, Tưởng thì chưa kịp kéo vào. Với chính quyền mới giành được, nhân dân Việt Nam có đầy đủ cơ sở chính trị, pháp lý, đứng trên cương vị “chủ nhân ông” ngẩng cao đầu tiếp quân đội các nước vào giải giáp quân Nhật theo sự phân công của các lực lượng Đồng minh chống phát xít. Một tuần sau khi Việt Nam tuyên bố độc lập (ngày 9-9), phái đoàn tiền trạm của

Trung Hoa dân quốc do Tiêu Văn dẫn đầu mới đặt chân tới Hà Nội; tiếp theo đó là “bộ sâu” của Lư Hán (14-9) và mãi tới ngày 28-9-1945, lễ đầu hàng của Quân đội Nhật Bản mới chính thức diễn ra ở Hà Nội.

Cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945 cho thấy sự kết hợp giữa tiến công và nổi dậy của hai lực lượng chính trị và quân sự, trong đó lực lượng chính trị của quần chúng là chính; nổ ra đúng lúc “tình hình đã hết sức khủng hoảng, đội tiên phong đã sẵn sàng chiến đấu đến cùng, hậu bị quân đã sẵn sàng ủng hộ đội tiên phong và hàng ngũ quân địch đã rối loạn, hoang mang đến cực điểm” (3). Quân Nhật mặc dù đang sung sức, trang bị còn mạnh nhưng nhuệ khí đã giảm sút, đặc biệt là bộ máy công cụ bạo lực phản động mà chúng sử dụng để chống lại cách mạng gần như đã bị vô hiệu hóa. Đây chính là thời cơ ngàn năm có một để phát động một cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Không phải ngẫu nhiên mà Lãnh tụ Hồ Chí Minh mặc dù lúc này đang ốm nặng nằm trong rừng sâu ATK Việt Bắc, nhưng đã cố gượng dậy căn dặn đồng chí Võ Nguyên Giáp: *Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập.*

Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 cho chúng ta nhiều bài học có giá trị, trong đó có bài học về “*nắm bắt thời cơ*”. Trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược, đặc biệt là trong Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) đã từng xuất hiện một số thời cơ để có thể tiến hành Tổng công kích-Tổng khởi nghĩa, đó là: Thời điểm cuối năm 1963-đầu năm 1964 khi mà sau cái chết của Diệm-Nhu, chính quyền Việt Nam Cộng hòa (VNCH) lâm vào một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng. Tuy

nhiên, thời điểm này quân đội Sài Gòn vẫn còn đông và mạnh, lại được sự hậu thuẫn và chi viện tối đa của Mỹ; trong khi đó thì lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam còn mỏng, đặc biệt là còn thiếu “quả đấm chủ lực” để “đi trước một bước”. Chính vì vậy mà mặc dù lúc bấy giờ, Trung ương Cục miền Nam cũng đã xây dựng Kế hoạch Tổng công kích-Tổng khởi nghĩa (Kế hoạch X) nhưng trên thực tế thì Tổng công kích-Tổng khởi nghĩa đã không thể diễn ra do *thời cơ lúc này chưa đủ chín muồi.*

Đến đầu năm 1968, thời cơ mới xuất hiện và vấn đề Tổng công kích-Tổng khởi nghĩa lại được đặt ra. Đòn tiến công Mậu Thân 1968 đã giành thắng lợi to lớn cả về chính trị và quân sự, gây chấn động thế giới; làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán ở Paris. Tuy nhiên, trong Mậu Thân 1968 ta vẫn không thực hiện được tổng công kích - tổng khởi nghĩa như kế hoạch đặt ra do thời điểm này địch còn hơn 1 triệu quân. Mặc dù quân địch có hoang mang, dao động trước đòn tiến công bất ngờ và táo bạo của Quân giải phóng nhưng trong hàng ngũ của Quân đội VNCH chưa có những cuộc binh biến lớn; quân Mỹ vẫn còn đủ mạnh để hỗ trợ hiệu quả cho quân đội Sài Gòn tiến hành các chiến dịch đàn áp phong trào cách mạng. Tại các đô thị miền Nam, cơ sở và phong trào cách mạng phát triển mạnh nhưng chưa đủ để tổng khởi nghĩa nổ ra đồng loạt, lật đổ chính quyền tay sai. Thực tế, Mậu Thân 1968 chỉ mới dừng lại ở một cuộc “Tổng tiến công và nổi dậy”.

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, quân Mỹ buộc phải rút khỏi miền Nam. Tình thế và tương quan lực lượng trên chiến trường có sự thay đổi căn bản có lợi cho cách mạng. Chính vì

vậy mà trong Kế hoạch chiến lược giải phóng hoàn toàn miền Nam, ta cũng đã đề ra chủ trương Tổng công kích-Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi cuối cùng để giảm thiểu đổ xương máu không cần thiết. Song, trong đòn tiến công chiến lược cuối cùng Mùa Xuân 1975, Tổng công kích-Tổng khởi nghĩa cũng không diễn ra như mong muốn, mà chỉ là một cuộc Tổng tiến công và nổi dậy. Chỉ có điều, khác với Mậu Thân 1968, trong Xuân 1975, *thời cơ đã chín muồi hơn*, song tổng khởi nghĩa đã không kịp diễn ra vì tốc độ chiến thắng đến quá nhanh, vượt xa cả những tính toán trong kế hoạch ban đầu của ta.

Mặc dù Tổng công kích-Tổng khởi nghĩa đã không diễn ra trong thực tiễn chiến tranh cách mạng miền Nam (1954-1975), nhưng những bài học từ Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 – nhất là *bài học về nắm bắt thời cơ* - cho đến tận hôm nay vẫn còn nguyên giá trị. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế

ngày càng sâu rộng thì thời cơ để Việt Nam bỏ xa tụt hậu, bứt phá trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước xuất hiện ngày càng nhiều. Bỏ lỡ thời cơ là có tội với lịch sử, nhưng chớp thời cơ hành động một cách vội vã, thiếu sự phân tích khoa học, làm ảnh hưởng đến lợi ích dân tộc, đến chủ quyền quốc gia thì càng có tội hơn. Đây cũng chính là thông điệp mà Cách mạng Tháng 8 năm 1945 nhắn gửi lại cho hậu thế thông qua *bài học về nắm vững thời cơ cách mạng*.

1.Trường Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*. T.1. Nxb Sự thật. H. 1975. tr.370.

2.Văn kiện Đảng (1940-1945). T.7. Nxb CTQG.H.2000. Tr. 373.

3.Trường Chinh. Sdd. Tr.172.

**Đại tá, PGS.TS TRẦN NGỌC LONG -
Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam**

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM QUA HỒI ỨC CỦA CÁC TƯỚNG LĨNH

Thực hiện lời dạy của Bác: "Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập", các địa phương trên cả nước nhất tề đứng dậy, tổ chức cho quần chúng nhân dân tự vũ trang cướp chính quyền, tạo cơ sở để làm nên một ngày trọng đại trong lịch sử dân tộc - ngày 2-9-1945...

Quảng Trị giành chính quyền sớm hơn dự kiến 5 ngày

Thượng tướng Trần Sâm, nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, trong cuốn hồi ức "Năm tháng cuộc đời", đã dành nhiều trang viết về những ngày tham gia Cách mạng tháng Tám.

Ngày 13-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra Quân lệnh số 1 và Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi gửi đồng bào, chiến sĩ cả nước. Đến ngày 18-8-1945, Hội nghị đại biểu Ban thống nhất Đảng bộ Quảng Trị họp ở Phước Lễ, phủ Triệu Phong, nhận định: "Chính quyền Phan Văn Hy-tĩnh trưởng, là con đẻ của phát xít Nhật, đang bắt lực về chính trị, bại hoại về tinh thần, tê liệt về tổ chức. Chúng đang sẵn sàng đầu hàng cách mạng, chúng ta tiến hành thuyết phục, cảm hóa và lôi kéo họ". Hội nghị đã bàn thảo sôi nổi, khẩn trương và quyết định tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn tỉnh từ ngày 21 đến 28-8-1945. Về kế hoạch

khởi nghĩa, lực lượng cách mạng của phủ, huyện nào phụ trách thì phủ, huyện đó tự chịu trách nhiệm trước kế hoạch của mình; còn việc khởi nghĩa ở tỉnh chủ yếu giao cho lực lượng cách mạng của phủ Triệu Phong và một số xã của phủ Hải Lăng phối hợp với nhân dân nội thị.



Thượng tướng Trần Sâm.

Ở thời điểm này, đồng chí Trần Sâm được phân công phụ trách huy động nhân dân trong xã Hải Xuân, huyện Hải Lăng sẵn sàng kéo vào thị xã Quảng Trị thị uy, cướp dinh tỉnh trưởng.

Chiều 22-8, đồng chí Trần Sâm nhận được lệnh chính thức của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh phát ra, liền thông báo đến lực lượng toàn xã Hải Xuân. 1 giờ sáng ngày 23-8, hàng nghìn quần chúng xã Hải Xuân đốt đuốc, gióng trống, chiêng, gõ mõ, thổi tù và, mang theo cờ, biểu ngữ, gậy gộc, cuộc thuồng kéo vào thị xã. Lúc này, các đơn vị tự vệ chiến đấu đã đột nhập vào nội thị, chiếm lĩnh được tất cả các cơ quan đầu não trong tỉnh. Đến 5 giờ sáng ngày 23-8-1945, Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa Trần Hữu Dực được lực

lượng tự vệ bảo vệ, đứng trên tầng cao dinh tỉnh trưởng, trực tiếp hạ lá cờ quẻ ly xuống và kéo lá cờ đỏ sao vàng lên nóc dinh tỉnh trưởng trong tiếng hò reo của hàng chục nghìn đồng bào. Cùng lúc đó, trong thành Quảng Trị, lá cờ vàng cũng bị hạ xuống, cờ đỏ sao vàng được kéo lên. Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở thị xã Quảng Trị đã kết thúc thắng lợi.

9 giờ sáng ngày 23-8, một cuộc mít tinh ra mắt chính quyền cách mạng được tổ chức, với sự tham dự của hàng chục nghìn quần chúng ngay trước dinh tỉnh trưởng. Ủy ban nhân dân cách mạng được tuyên bố thành lập; chính quyền bù nhìn bị tuyên bố xóa bỏ hoàn toàn. Cũng trong ngày 23-8, các Quân lệnh số 1, 2, 3 liên tục được phát đi, trong đó Quân lệnh số 2 yêu cầu mở cuộc đăng ký tuyển quân cấp tốc, thành lập Chi đội giải phóng quân với tổng số 1.500 chiến sĩ...”

Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh đã ra lệnh phóng thích, trả tự do cho một số tù nhân trong nhà tù chính quyền cũ và cũng ra lệnh bắt giữ ngay một số tên việt gian phản động, chống phá cách mạng. Việc này được tiến hành hết sức khẩn trương và thận trọng.

2 lần hạ, kéo cờ ở cột cờ cổ đô Huế

Những ngày Cách mạng tháng Tám đến hôm nay như vẫn đang sôi sục trong cuốn Hồi ký “Những kỷ ức không bao giờ quên” của Thiếu tướng Cao Pha, nguyên Phó tư lệnh Bộ tư lệnh Binh chủng Đặc công, nguyên Phó viện trưởng Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

Khi đó, đồng chí Cao Pha là Trưởng Ban ám sát của Trường Thanh niên tiên tuyến vừa mới được thành lập, và sau này trở thành Trưởng Ban

Đặc vụ của Thừa Thiên- Huế, khi Cách mạng tháng Tám thành công.

Trong cuốn “Những ký ức không bao giờ quên”, Thiếu tướng Cao Pha nhớ lại: Ngày 19-8-1945, Cuộc khởi nghĩa tháng Tám thành công ở Hà Nội làm nức lòng nhân dân cả nước. Đồng bào Thừa Thiên- Huế cũng sục sôi chờ đợi một cuộc nổi dậy cướp chính quyền ở cố đô Huế.



Thiếu tướng Cao Pha.

Tối 20-8, vào khoảng 22 giờ, đồng chí Cao Pha được anh Đặng Văn Việt, thành viên Ban chấp hành Việt Minh của Trường Thanh niên tiền tuyến rỉ tai: “Mình đã nhận được lệnh của trên là hạ cờ quẻ ly, treo cờ đỏ sao vàng lên cột cờ. Sáng mai sẽ hành động, cậu đi với mình và nhớ hết sức giữ bí mật”.

Hôm sau, 21-8, các đồng chí Cao Pha và Đặng Văn Việt cuộn tròn lá cờ, gác lên xe đạp và cùng nhau tiến về kỳ đài. Anh Việt lên gặp viên chỉ huy tại đây là truyền lệnh “Hạ cờ cũ, treo cờ mới”. Một tiểu đội lính khố vàng canh gác cột cờ ngơ ngác và sợ sệt, nhanh chóng thực hiện mệnh lệnh buộc cờ vào dây, qua ròng rọc kéo cờ đỏ sao vàng lên và cờ nhà vua từ từ hạ xuống. Mấy phút sau có một máy bay hai thân của Mỹ bay lượn 3 vòng quanh cột cờ, nghiêng cánh như có ý chào, rồi bay ra hướng biển Đông.

Sau này, qua tìm hiểu, Thiếu tướng Cao Pha được biết, trong khi các ông hạ cờ quẻ ly, kéo cờ đỏ sao vàng lên kỳ đài, có một vị đại thần của vua Bảo Đại chạy ra can ngăn nhưng những người lính khố vàng có mặt tại chỗ không những không giúp vị đại thần nọ mà còn ủng hộ Việt Minh.

Ngày 30-8, tại cổng Ngọ Môn, trong buổi nhà vua làm lễ thoái vị “giao ấn vàng, kiếm báu” cho đồng chí Trần Huy Liệu, đại diện Chính phủ Trung ương, có một nghi thức mới theo đề nghị của Bảo Đại: hạ cờ vàng quẻ ly lần thứ 2 và chính thức treo cờ đỏ sao vàng lên cột cờ cố đô Huế.

“Sau ngày giải phóng miền Nam, mỗi lần vào Huế thăm con, tôi đều đến kỳ đài để được nhìn lá cờ đỏ sao vàng phấp phới tung bay trước gió giữa bầu trời xanh biếc, xúc động nhớ lại ký ức năm xưa của một thời trai trẻ trong những ngày đầu rất hào hùng của Cách mạng tháng Tám”, Thiếu tướng Cao Pha tự hào viết trong hồi ký.

Quảng Ngãi sớm vùng lên, sớm giành chính quyền trọn vẹn

Trong cuốn Hồi ký “Những nẻo đường kháng chiến” của mình, Thiếu tướng Võ Bẩm, Nguyên Đoàn trưởng kiêm Chính ủy đầu tiên của Đoàn 559, đã phần nào tái hiện không khí vùng lên giành chính quyền ở Quảng Ngãi trong 3 đêm, 2 ngày của tháng Tám mùa thu năm 1945.

Theo những trang viết của Thiếu tướng Võ Bẩm, vào mùa hè 1945, Việt Minh Quảng Ngãi (quê hương của đồng chí) và các huyện trong tỉnh đã gửi thư đến hầu hết các quan lại, chức sắc cấp tỉnh và huyện, nói rõ xu thế cách mạng đang lên mạnh. Nhận được thông báo, đám quan lại không phản ứng gì. Đó là điều hoàn toàn khác với thái độ ngông nghênh, hách dịch của chúng trước đây. Trong khi đó, nhân

dân mấy huyện bắc Quảng Ngãi cũng đang nô nức ngóng trông khởi nghĩa giành chính quyền; công tác vận động nhân dân đóng góp tiền của, lập “hũ gạo cứu quốc” ủng hộ Việt Minh, nuôi du kích Ba Tơ được nhân dân hưởng ứng sôi nổi. Trong những ngày này, đồng chí Võ Bẩm vừa là Bí thư Việt Minh tổng Lệ Kỳ, vừa được cử làm chỉ huy khởi nghĩa của tổng.



Thiếu tướng Võ Bẩm.

Giữa tháng 7, tại thôn Vĩnh Lộc, xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh (Quảng Ngãi), đã diễn ra cuộc họp của đại biểu các tỉnh miền Trung từ Quảng Bình đến Khánh Hòa. Đồng chí Tố Hữu, đặc phái viên của Trung ương đã về dự và chỉ đạo. Hội nghị bàn bạc, thống nhất phong trào các tỉnh Trung bộ, thông qua kế hoạch chuẩn bị khởi nghĩa; đặc biệt thống nhất chủ trương khi thời cơ đến phải kịp thời phát động quần chúng vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền. Không khí chuẩn bị khởi nghĩa kể từ ngày ấy ngập tràn các thôn xóm.

Sáng sớm 14-8-1945, tin Hồng Quân Liên Xô đánh tan đạo quân Quan Đông, rồi tin Nhật Hoàng tuyên bố đầu hàng quân Đồng minh đồn dập truyền

về. Trưa 14-8, Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi nhóm họp bất thường và phát động quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền, thông qua mệnh lệnh tổng khởi nghĩa. Ngay chiều tối hôm đó, Ban lãnh đạo Việt Minh Lệ Kỳ liên tiếp nhận được chỉ thị số 8 và số 9 với mệnh lệnh: “Tình thế cấp bách, phải thi hành triệt để chỉ thị, không được chậm trễ, các đồng chí phải nỗ lực hy sinh vì Tổ quốc”.

Như vậy, khởi nghĩa ở Sơn Tịnh cũng như các địa phương ở Quảng Ngãi đã nổ ra sớm hơn nhiều nơi trên cả nước. Ở Sơn Tịnh, vào tối 16-8, khi bắt Cổ Lũy bị hạ cũng là lúc chính quyền đã thuộc về tay cách mạng trong toàn huyện.

Tuy nhiên, trong cơn giãض chết, quân Nhật vô cùng hung hãn, kéo ra đầu cầu xe lửa phía bắc sông Trà, điên cuồng đốt sạch cả xã Đông Dương. Tiếp đó, chúng kéo quân lên phía tây huyện Tư Nghĩa, nhưng đụng đầu phải du kích Ba Tơ nên kéo vào sông Vệ. Đám việt gian núp bóng quân Nhật đã vây bắt số anh em tự vệ Việt Minh gác ở sông Vệ, đem chặt đầu, quăng xác xuống sông. Các tổ chức thanh niên thân Nhật cũng quay đầu chống Việt Minh. Vậy nhưng, với khí thế cách mạng ào ào như thác đổ, toàn dân đứng lên vũ trang khởi nghĩa, nên chỉ trong 3 đêm, 2 ngày (từ đêm 14 đến đêm 16-8), cuộc khởi nghĩa ở Quảng Ngãi đã giành thắng lợi triệt để, trọn vẹn.

Trở lại với Hồi ký “Từ Nhân dân mà ra” của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, có thể thấy rằng, ngày 26-8, chi đội Giải phóng quân đầu tiên tiến vào Thủ đô, giữa tiếng reo mừng dậy đất của đồng bào. Bác Hồ từ Tân Trào về Hà Nội. Người còn yếu sau trận sốt nặng vừa qua, vẫn giản dị với bộ quần áo vải vàng cũ và đôi giày vải. Đến 30-8, trên cả nước, chính quyền đã về tay nhân

dân, trừ một đôi nơi bọn phản động Quốc dân đảng gây khó khăn như ở Vĩnh Yên.

Ngày 2-9, Bác ra mắt trước mấy chục vạn đồng bào Thủ đô tại quảng trường Ba Đình với bản Tuyên ngôn độc lập lịch sử. Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Cờ cách mạng nền đỏ sao vàng trở thành cờ của Tổ quốc. Hà Nội trở thành Thủ đô của nước Việt Nam độc lập. Đội quân Giải phóng Việt Nam, sau ngày cách mạng

thành công, đã xuất hiện trên khắp các miền của đất nước. Bên cạnh những chiến sĩ Cứu quốc quân, Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, Du kích Ba Tư và hàng vạn chiến sĩ tự vệ, du kích của phong trào cách mạng tại khắp các chiến khu, đã có thêm hàng trăm ngàn thanh niên tình nguyện đứng dưới cờ làm người chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc.

GIA LƯƠNG (tổng hợp) /
<http://www.qdnd.vn>

NHỮNG NGÀY ĐẦU CỦA CHÍNH PHỦ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

Ngày 3/9/1945, Chính phủ lâm thời đã họp phiên đầu tiên, đặt ra những vấn đề cấp bách, trong đó quyết tâm chiến đấu với “giặc đói”, “giặc dốt”, nhanh chóng tiến hành cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu để từ đó soạn thảo một bản Hiến pháp cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới ra đời.

Cải tổ từ Ủy ban Dân tộc giải phóng

Sự ra đời của Chính phủ lâm thời thực tế đã được chuẩn bị một bước từ Đại hội quốc dân do Tổng bộ Việt Minh họp ở Tân Trào (Tuyên Quang) trong hai ngày 16 và 17/8/1945. Đại hội đã thông qua mười chính sách lớn của Việt Minh, thông qua Lệnh tổng khởi nghĩa. Quốc dân Đại hội cũng đã quyết định thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam do Cụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa mới ra đời đã phải

đương đầu với vô vàn khó khăn, thách thức. Vận mệnh của đất nước như “ngàn cân treo sợi tóc” khi phía Bắc 20 vạn quân Tưởng lấy danh nghĩa quân đồng minh và theo gót là lực lượng phản động Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng đồng minh hội ồ ạt kéo vào nước ta. Ở miền Nam, cũng với danh nghĩa quân Đồng minh, quân Anh vào giải giáp quân Nhật, núp sau quân Anh là quân Pháp âm mưu chiếm nước ta một lần nữa (ngày 23/9/1945, quân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, mở đầu cuộc xâm lược nước ta lần thứ hai).

Ngày 28/8/1945, đứng trước yêu cầu cấp bách cần phải sớm ổn định tình hình, củng cố chính quyền cách mạng, củng cố khối đoàn kết toàn dân tộc, bảo vệ thành quả cách mạng vừa giành được, theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Dân tộc giải phóng Hồ Chí Minh, Ủy ban Dân tộc giải phóng được cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhằm đoàn kết rộng rãi các tầng lớp

nhân dân, các đảng phái yêu nước và những nhân sĩ tiến bộ. Đây là Chính phủ đầu tiên của nhân dân Việt Nam dưới chế độ dân chủ cộng hòa.



Chủ tịch Hồ Chí Minh và các thành viên Chính phủ lâm thời sau phiên họp Chính phủ đầu tiên (3/9/1945). Ảnh: Chinhphu.vn

Ra đời trong hoàn cảnh gặp muôn vàn khó khăn, thử thách, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chính phủ lâm thời đã thể hiện vai trò là cơ quan Nhà nước quản lý và điều hành mọi công việc của đất nước. Điều này đã thể hiện ngay trong Tuyên cáo của Chính phủ lâm thời ngày 28/8/1945: Nhiệm vụ của Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam hết sức nặng nề. Làm sao cho Chính phủ lâm thời tiêu biểu được Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi và đầy đủ. Bởi vậy, tuân theo chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ủy ban Dân tộc giải phóng đã quyết định tự cải tổ, mời thêm một số nhân sĩ tham gia Chính phủ đặt cùng nhau gánh vác nhiệm vụ nặng nề mà quốc dân giao phó. Chính phủ lâm thời không phải là Chính phủ riêng của Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh (Việt Minh) như có người đã lầm tưởng; Cũng không phải là một Chính phủ chỉ bao gồm các đại biểu của các chính đảng. Nó thật là một Chính phủ quốc

gia thống nhất, giữ trọng trách chỉ đạo trong toàn quốc. Đợi đến ngày triệu tập được Quốc hội để cử ra một Chính phủ dân chủ cộng hòa chính thức.

Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, trước hàng vạn đồng bào, thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố với thế giới và toàn thể quốc dân đồng bào về nền độc lập của dân tộc Việt Nam. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới đã được thành lập, một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc đã mở ra, kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội. Chính phủ lâm thời Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã long trọng ra mắt quốc dân đồng bào.

Sáu nhiệm vụ cấp bách

Ngày 3/9/1945, Chính phủ lâm thời đã họp phiên đầu tiên, thảo luận và đề ra 6 vấn đề cấp bách do Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt ra là: Phát động phong trào tăng gia sản xuất để chống nạn đói, mở ngay cuộc lạc quyền gạo để giúp đỡ người nghèo; Mở chiến dịch chống nạn mù chữ; Tổ chức sớm cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, soạn thảo Hiến pháp dân chủ; Mở chiến dịch giáo dục cần, kiệm, liêm, chính để bài trừ thói hư tật xấu của chế độ thực dân để lại; Bỏ ngay 3 từ thuế là thuế thân, thuế chợ, thuế đò, tuyệt đối cấm hút thuốc phiện; Ra tuyên bố tự do tín ngưỡng và đoàn kết lương giáo.

Như vậy, từ trong cao trào Cách mạng tháng Tám, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập, là thành quả của cuộc cách mạng vĩ đại của dân tộc.

Chính phủ lâm thời gồm 15 thành viên, với 13 Bộ: Ngoại giao, Nội vụ, Thông tin - Tuyên truyền, Quốc phòng, Thanh niên, Kinh tế quốc gia, Cứu tế xã hội, Y tế, Tư pháp, Giao thông Công chính, Lao động, Tài chính, và Bộ Quốc gia giáo dục; bao gồm tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, dưới sự đứng đầu của Chủ tịch Chính phủ lâm thời Hồ Chí Minh (kiêm Bộ trưởng Ngoại giao) đã đáp ứng kịp thời yêu cầu cấp bách của tình hình cách mạng lúc bấy giờ, nhằm bảo vệ, củng cố và phát triển thành quả của Cách mạng tháng Tám.

Ngay sau phiên họp đầu tiên, Chính phủ đã ra nhiều sắc lệnh để thực hiện các nhiệm vụ cấp bách đã đặt ra như: Ngày 4/9/1945 ra Sắc lệnh tổ chức Quỹ Độc lập và Sắc lệnh ấn định Quốc kỳ Việt Nam; phát động “Tuần lễ vàng” (17 đến 24/9/1945) đã quyên góp được 370 kg vàng và 40 triệu đồng cho Quỹ Quốc phòng và 20 triệu đồng cho Quỹ Độc lập. Ngày 7/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh bãi bỏ thuế thân. Ngày 8/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ để phụ trách việc chống nạn mù chữ trong cả nước. Chuẩn bị các bước cho Tổng tuyển cử, ngày 8/9/1945, Chính phủ đã ra sắc lệnh mở cuộc Tổng tuyển cử để bầu Quốc dân đại hội (Quốc hội)...

Thực hiện Chỉ thị Kháng chiến, kiến quốc của Trung ương Đảng, ngày 31/12/1945, Chính phủ ra Sắc lệnh số 78 - SL thành lập Ủy ban Nghiên cứu kế hoạch Kiến quốc của Chính phủ. Ủy ban này gồm 41 thành viên đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chính phủ. Ủy ban có nhiệm vụ nghiên cứu một kế hoạch thiết thực

để kiến thiết đất nước về mặt kinh tế, tài chính, hành chính, xã hội, văn hóa và nghiên cứu những dự án kiến thiết khác.

Nhằm mở rộng hơn nữa khối đoàn kết toàn dân, ổn định tình hình bên trong để tập trung đối phó với bọn xâm lược, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương thành lập Chính phủ liên hiệp lâm thời có sự tham gia của một số phần tử trong Việt Nam Quốc dân đảng và Việt Nam Cách mạng đồng minh hội, với điều kiện: Chính phủ này phải tổ chức tốt cuộc Tổng tuyển cử, thống nhất các lực lượng vũ trang và sẽ từ chức khi triệu tập Quốc dân đại hội. Ngày 1/1/1946, Chính phủ liên hiệp lâm thời do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Chủ tịch đã làm ra mắt trước hàng ngàn người dân Hà Nội.

Ngày 6/1/1946, cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên diễn ra trên đất nước Việt Nam. Lần đầu tiên trong lịch sử mọi người dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt nam, nữ đều được hưởng quyền bầu cử và ứng cử Quốc hội. Cử tri cả nước đã nô nức đi bỏ phiếu, bầu 333 đại biểu vào Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Chủ tịch Hồ Chí Minh ứng cử ở Hà Nội và đã trúng cử với số phiếu cao nhất là 98,4%. Tại Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội nhất trí tuyên bố “Chủ tịch Hồ Chí Minh xứng đáng với Tổ quốc” và trao cho Người quyền thành lập Chính phủ mới - Chính phủ Liên hiệp kháng chiến. Tại Kỳ họp thứ hai, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Hiến pháp 1946).

Xuân Phong /
<http://baotintuc.vn/>

BẢN TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP LỊCH SỬ

Trước đó, với mong muốn bản Tuyên ngôn độc lập thực sự là “giấy khai sinh” Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á, đêm 28/8/1945, Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh đã khởi thảo bản Tuyên ngôn độc lập tại ngôi nhà của nhà tư sản dân tộc Trịnh Văn Bô (48 Hàng Ngang, Hà Nội). Văn kiện quan trọng này được Hồ Chí Minh trao đổi, lấy ý kiến đóng góp của các đồng chí trong Thường vụ Trung ương Đảng, các thành viên Chính phủ lâm thời, trong quần chúng nhân dân và ý kiến tham khảo của A. Patti - đại diện cho quân Đồng minh.

Chỉ với hơn một ngàn từ, rất ngắn gọn và súc tích, Tuyên ngôn độc lập là văn bản pháp lý hiện đại, mang một giá trị đặc biệt, không chỉ giới hạn về quyền độc lập, tự chủ của dân tộc ta, không những có giá trị về chính trị, khẳng định độc lập, chủ quyền của dân tộc Việt Nam mà còn hàm chứa những nội dung sâu sắc, có ý nghĩa thời đại, có giá trị cổ vũ cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc trên thế giới.

Tuyên ngôn độc lập gồm: đoạn mở đầu (viết về cơ sở đạo lý và pháp lý), đoạn thứ hai (tố cáo tội ác của thực dân Pháp), đoạn thứ ba (chỉ rõ thực dân Pháp đã đầu hàng phát xít Nhật từ năm 1940), đoạn thứ tư (khẳng định Việt Minh đã chống Nhật, bảo hộ người Pháp) và đoạn cuối (là lời tuyên bố với Pháp, quân đồng minh và với thế giới) - là sự đúc kết cao nhất, cô đọng nhất nội dung cuộc cách mạng giải phóng của nhân dân ta - cuộc cách mạng đã đem lại một sự biến đổi chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc, dựng lên một xã hội tương lai không có áp bức giai cấp, không có người bóc lột người, đồng thời đưa những “thần dân” Việt Nam, những “nô lệ” An Nam trở

thành chủ nhân của nước Việt Nam độc lập.

Một là, Tuyên ngôn độc lập khẳng định giá trị về quyền con người mà Tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp đã nêu, đóng góp quan trọng vào sự phát triển tư tưởng của nhân loại về quyền con người và quyền dân tộc. Không chỉ lựa chọn và trích dẫn Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do” và “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi” trong Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791 về tư tưởng về nhân quyền, mà Hồ Chí Minh còn “suy rộng ra”, sáng tạo và nâng lên thành “tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”, và “đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”[2].

Giá trị dân tộc và thời đại của Tuyên ngôn độc lập chính là sự “suy rộng ra” và đó là một bước phát triển vượt bậc, vượt trội vĩ đại của Hồ Chí Minh. Không chỉ dừng lại ở đó, trên cơ sở bổ sung và phát triển tư tưởng về quyền con người, Tuyên ngôn độc lập đã tiến tới xác lập quyền của cả một dân tộc, quyền của tất cả các dân tộc được sống trong độc lập, tự do, hạnh phúc, bình đẳng khi “Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khéo kết hợp các quyền cơ bản của con người với quyền dân tộc thiêng liêng thành các quyền dân tộc cơ bản với nội dung thực chất, bao gồm các quyền về độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của một quốc gia dân tộc”[3]. Sự sáng tạo của Người “không phải là một sự kiện riêng lẻ, cá biệt mà là một xu thế tất yếu của thời

đại”[4]. Trên tinh thần đó, mọi dân tộc đều có quyền được đấu tranh, được giải phóng và giành những quyền dân tộc cơ bản như “quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”.

Hai là, Tuyên ngôn độc lập lên án sự tàn bạo, vạch trần bản chất phản động của chủ nghĩa thực dân; khẳng định cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã giành thắng lợi; khẳng định vị thế độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong Tuyên ngôn độc lập, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa... Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng Minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó, dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật”. Và Người cũng khẳng định: “Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng Minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp”[5].

Vì vậy, Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, dân tộc Việt Nam kiên cường đấu tranh và gan góc đứng về phe đồng minh chống phát xít, đã giành lại độc lập từ tay phát xít Nhật: “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa”, thì tất yếu “có quyền hưởng tự do và độc lập và sự thật đã thành một nước tự do độc lập”[6].

Ba là, kết tinh truyền thống yêu nước, khát vọng độc lập, tự do của dân

tộc Việt Nam, Tuyên ngôn độc lập khẳng định ý chí, quyết tâm giữ vững thành quả của cách mạng Tháng Tám. Sự ra đời của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là kết quả cuộc đấu tranh cách mạng kiên trì của nhân dân ta, nhưng đó mới chỉ là sự khởi đầu. Tuy nhiên, kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm nhất đe dọa nền độc lập của dân tộc chính là âm mưu tái xâm lược nước ta của thực dân Pháp. Vì vậy, không chỉ dừng ở việc xác lập cơ sở pháp lý của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân ta, nêu cao tính chính nghĩa cuộc cách mạng, Tuyên ngôn độc lập khẳng định rằng nước Việt Nam mới chỉ xoá bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp chứ không phải xoá bỏ tất cả mọi quyền lợi; thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp chứ không phải thoát ly tất cả. Đất nước ta chỉ mới có quyền độc lập, quyền tự do chứ chưa phải là nền độc lập, tự do thật sự, vì các kẻ thù luôn “ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết”[7].

Không chỉ vạch rõ luận điệu xảo trá của bọn thực dân Pháp khi khẳng định: “Toàn dân Việt Nam trên dưới một lòng kiên quyết chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp”, Hồ Chí Minh còn chủ động ngăn ngừa từ xa âm mưu thâm độc của chúng bằng quyết tâm sắt đá: “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”[8] và lấy lời thề đó làm phần kết của Tuyên ngôn độc lập. Quyết tâm ấy đã được hiện thực hóa sinh động khi Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến ngày 19/12/1946 - cả nước bước vào cuộc kháng chiến thần thành chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1954).

Âm vang mãi hào khí Tuyên ngôn độc lập

Tuyên ngôn độc lập là bản anh hùng ca được cả dân tộc ta viết ra bằng máu và nước mắt, bằng sự hy sinh vô bờ

bền của biết bao người; thể hiện nghị lực, quyết tâm giành và bảo vệ bằng được quyền sống trong độc lập, tự do; kết tinh truyền thống lịch sử, ý chí sắt đá không gì lay chuyển nổi, đồng thời là triết lý nhân sinh vĩnh hằng của dân tộc Việt Nam kiên cường, bất khuất; là bản anh hùng ca mở ra kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam - kỷ nguyên độc lập, tự do. Đó cũng chính là sự nối tiếp của con đường tiến hóa mà nhân loại đã và sẽ đi trong hành trình giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Bản Tuyên ngôn độc lập là tư tưởng, là tâm nguyện và kết quả của hành trình tìm đường cứu nước, thực tế đấu tranh cách mạng và tư duy khoa học sắc sảo, độc đáo của lãnh tụ Hồ Chí Minh; đồng thời cũng là hiện thân sinh động sự gặp gỡ lịch sử giữa dân tộc Việt Nam giàu truyền thống và văn hiến, luôn khát vọng độc lập, tự do, hòa bình, hữu nghị với một thời đại hòa bình, hợp tác, thân thiện và phát triển, luôn tôn trọng luật pháp quốc tế.

72 năm đã trôi qua kể từ ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập, song âm hưởng hào hùng, trường tồn cùng lịch sử của Tuyên ngôn vẫn vẹn nguyên ý nghĩa lịch sử, giá trị dân tộc và thời đại. Từ mùa Thu năm 1945, bản Tuyên ngôn đó là mốc son mở ra một thời đại mới trong lịch sử hào hùng của dân tộc; đã tạo lý, tạo thế và góp phần tạo ra lực lượng đồng tình, ủng hộ rộng rãi ở trong nước và trên thế giới đối với cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. Tuyên ngôn độc lập hào sảng, lời thề của cả dân tộc dân tộc Việt Nam “quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy” và khát vọng lớn lao “Không có gì quý hơn độc lập tự do” luôn là nguồn sức mạnh nội lực, được củng cố, bồi đắp trong cuộc trường chinh chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược, đã cổ vũ, động viên quân dân cả nước đồng tâm, đồng chí,

đồng lòng vững bước tiến lên giành những thắng lợi mới.

Lời thề độc lập - Lời thề giữ nước thiêng liêng và tinh thần bất diệt của Cách mạng Tháng Tám đã vang vọng khắp non sông, đất nước, cho đến mãi muôn đời sau. Phát huy thành quả vĩ đại của cuộc Cách mạng mùa Thu đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã hoàn thành thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, bên cạnh những thành tựu đáng tự hào, đất nước ta cũng còn phải đối diện với nhiều khó khăn, thử thách. Song có thể khẳng định chắc chắn rằng, đồng hành cùng lịch sử, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cùng những chỉ dẫn của Người sẽ được thấu triệt và vận dụng sáng tạo ở Việt Nam trong điều kiện mới, với thế và lực mới. Kế thừa những bài học kinh nghiệm lịch sử về: chớp thời cơ, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nghệ thuật giành thắng lợi từng phần...trong Cách mạng Tháng Tám; tranh thủ sự ủng hộ của bè bạn quốc tế, kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại..., dưới sự lãnh đạo của một Đảng tiên phong, trong sạch, vững mạnh, nhất định chúng ta sẽ xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững./.

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2000, t.7, tr.561.

[2] [5] [6] [7] [8] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 1995, t.4, tr.1, 3, 1-2, 4, 4.

[3] [4] *Tuyên ngôn độc lập năm 1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Những giá trị và ý nghĩa thời đại*, Nxb Chính trị quốc gia, H, 1996, tr.55, 24.

ĐIỀU ÍT BIẾT VỀ NGÀY TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP 2/9

Là người Việt Nam, ai cũng biết về ngày 2 tháng 9 năm 1945, ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khẳng định nước Việt Nam độc lập - tự do trước toàn thế giới.



Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập ngày 2.9.1945.

Sau khi đã họp với Thường vụ Trung ương Đảng quyết định chọn ngày 2.9 để tổ chức đại lễ Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra mắt quốc dân, Bác Hồ hỏi ý kiến đồng chí Trường Chinh ai có thể cáng đáng việc tổ chức ngày độc lập này? Suy nghĩ một lát, đồng chí Trường Chinh trả lời là ông Nguyễn Hữu Đang (1913-2007, đảng viên năm 1939, Ban Trị sự Hội Truyền bá quốc ngữ, hoạt động trong Hội Văn

hoá cứu quốc ngay từ đầu, sau đó bị Pháp bắt, vừa được đi dự Quốc dân Đại hội Tân Trào trở về, vừa mới được cử làm Thứ trưởng Bộ Tuyên truyền).

Trong cuốn hồi ký của mình, cụ Đặng nhớ lại ngày 28.8.1945, Bác Hồ gọi cụ tới gặp để trao nhiệm vụ Trưởng ban tổ chức Ngày Độc lập. Bác hỏi: Chú có làm được không?

"...Tôi hiểu là không thể hoãn. Cụ Hồ giục tôi về ngay để bắt tay vào việc. Tôi không về nhà mà đi thẳng đến Bộ Tuyên truyền, gọi đây nói cho các báo hàng ngày, yêu cầu họ nghe tôi đọc chậm một thông báo thượng khẩn về một ngày đại lễ mà tôi nghĩ ra ngay một cái tên gọi rất hợp, làm nổi bật ý nghĩa lớn là "Ngày Độc lập". Tôi yêu cầu – vì đã được Cụ Hồ cho phép - họ phải đăng kịp vào số báo ra sáng ngày mai. Đêm ấy - đêm 28.8.1945, Cụ Hồ thức suốt sáng để viết Tuyên ngôn Độc lập, còn tôi ở lại Bộ Tuyên truyền cũng thức suốt đến sáng để nghiên cứu kế hoạch, chương trình tổ chức "Ngày Độc lập". Trời sáng rõ, tôi nhờ Trần Kim Xuyến, Đồng lý Văn phòng Bộ Tuyên truyền liên lạc ngay với Trần Lê Nghĩa, Phạm Văn Khoa ở Hội Truyền bá quốc ngữ, Nguyễn Huy Tưởng, Lưu Văn Lợi ở Hội Văn hoá cứu quốc, Nguyễn Dực ở Đoàn hướng đạo (Tráng sinh), Trần Lâm ở Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam, và một số bạn đã cùng hoạt động xã hội với tôi nhiều năm ở thủ đô để thành lập ban tổ chức

ngay tối hôm 29.8.1945..." (trích hồi ký cụ Nguyễn Hữu Đang).

Nhìn lễ đài ngày Tuyên ngôn Độc lập năm ấy, ai cũng thấy giản dị nhưng thật trang nghiêm. Đạt được kết quả như vậy mà lại trong một thời gian chỉ có gần hai ngày, là công sức đóng góp của kiến trúc sư Ngô Huy Quỳnh. Sáng 1.9.1945, ông Phạm Văn Khoa tìm đến ông, trao đổi yêu cầu nhiệm vụ với ông, ông phần khởi nhận lời và hẹn ông Khoa đến 12 giờ trưa hôm ấy quay lại xem bản vẽ. Ngay lập tức, ông Quỳnh chuẩn bị mấy thứ nhà nghề, đi ngay đến vườn hoa Ba Đình để khảo sát thực địa và vẽ 3 kiểu. 12h30 ngày 1.9, bản vẽ lễ đài được thông qua. Lễ đài bắt đầu được thi công. Mọi người làm việc không kể giờ giấc. Gần 6 giờ sáng hôm sau (ngày 2.9), lễ đài được hoàn thành, cao hơn 4 mét, rộng và sâu hơn 4m, trên đó có một cột cờ cao hơn 10m, hai bên có hai lư hương lớn bằng gỗ.

Khung lễ đài đã cơ bản xong, tuy nhiên không thể thiếu các phương tiện thông tin như loa đài, micrô, máy khuếch đại để đảm bảo cho hơn nửa triệu người nghe được đầy đủ. Công việc tưởng như đơn giản nhưng lại rất hệ trọng này đã có ông Nguyễn Dực ở Đoàn hướng đạo lo. Ông Dực đã được biết việc này sớm hơn ông Ngô Huy Quỳnh, nên ông đã tức tốc đi lo được 7 cái loa to và lắp ráp được 3 máy khuếch đại 40W cùng 3 micrô (tất cả dụng cụ này đều là của riêng của ông Dực).

Ai cũng lo loa đài chỉ có như vậy khó mà đủ công suất để phục vụ. Vốn là một chuyên gia lâu năm, với nhiều kinh nghiệm làm việc, ông đi

cùng một số anh em để bàn bạc công việc cụ thể vị trí đặt 7 cái loa và đo khoảng cách với lễ đài để dự trù đường dây loa. Mãi sáng mùng 2.9, lễ đài mới dựng xong, đang trang trí bên ngoài thì nhóm ông Dực mới đặt được máy, đến 11 giờ trưa mới thử được máy, đi đến từng loa nghe rất tốt... lác đác có những đoàn đã đi vào quảng trường.

Đúng 2 giờ chiều thì đoàn xe có 2 ô tô đi đến lễ đài, theo sau là cả một đoàn xe đạp. Có hai xe máy đi hai bên... Khi cả đoàn đã đi lên trên lễ đài, thì vừa có tiếng hô: "Nghiêm! Chào cờ!". Đoàn quân nhạc xếp hàng trước lễ đài cử bài "Tiến quân ca". Qua khe hở của sàn lễ đài, ông Dực lần đầu tiên được thấy rõ Hồ Chủ tịch cao và gầy. "Khi vừa chào cờ xong thì Hồ Chủ tịch nhìn vào 3 micrô và sẽ thổi trước micrô "Philíp" ở giữa, đèn báo trên máy đỏ lên và lập tức có tiếng "phù" từ cái loa dội lại. Hồ Chủ tịch lùi lại một chút rồi nói: "Tôi nói đồng bào nghe rõ không?". Ở dưới đã vang lên: "Có ạ".

Tôi đã từng lắp micrô nhiều lần, nhưng lần đầu tiên tôi mới thấy một người thành thạo như vậy. Thường thì người ta lấy tay gõ nhẹ vào mặt micrô xem có tiếng loa kêu lóc cóc trở lại không, hoặc có người đếm một...hai...Tôi rất sung sướng và nói ngay với bạn: Chưa có người nào am hiểu về micrô như vậy và rất tôn trọng quần chúng. Sau đấy, Cụ Hồ chậm rãi đọc một mạch hết bản Tuyên ngôn Độc lập. (Trích hồi ký của ông Nguyễn Dực).

Nguyễn Xuân /
<http://laodong.com.vn>

GIÁ TRỊ CỦA TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

Tuyên ngôn Độc lập ngày 2/9/1945 do Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo là bản Tuyên ngôn Độc lập thứ ba của dân tộc Việt Nam, sau Nam quốc sơn hà của Lý Thường Kiệt và Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi.



Bản Tuyên ngôn đã kế thừa giá trị truyền thống của dân tộc, khẳng định độc lập chủ quyền, ý chí tự lực tự cường của dân tộc Việt Nam, đồng thời cũng kế thừa giá trị tiến bộ của nhân loại. Tuyên ngôn Độc lập không những có giá trị về chính trị, khẳng định độc lập chủ quyền của dân tộc Việt Nam mà còn có giá trị cổ vũ cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc trên thế giới.

Thứ nhất, bản Tuyên ngôn đã khẳng định giá trị về quyền con người mà các Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ và Pháp đã nêu rõ. Tuy nhiên bản Tuyên ngôn không chỉ dừng lại ở việc khẳng định quyền con người mà Hồ Chí Minh đã nâng lên thành quyền của dân tộc. Đây là một nội dung rất căn bản, có ý nghĩa không chỉ đối với dân tộc ta mà còn có ý nghĩa đối với thời đại. Từ đó tới nay các nước trên thế giới đấu tranh để giành độc lập, giành quyền dân tộc cơ bản của mình.

Thứ hai, Hồ Chí Minh đã lên án sự tàn bạo để thấy rõ bản chất phản động của chủ nghĩa thực dân, là một vết nhơ trong lịch sử nhân loại. Nội dung Tuyên ngôn Độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng là sự xóa bỏ vết nhơ đó của lịch sử nhân loại. Tôi còn nhớ sau này Đại tướng Võ Nguyên Giáp có một câu nói rất nổi tiếng, khẳng định: “Hồ Chí Minh là người đầu tiên kết án chủ nghĩa thực dân. Người đã cùng với dân tộc của Người thi hành bản án đó”.

Thứ ba, Tuyên ngôn Độc lập đã khẳng định cuộc đấu tranh cách mạng kiên cường của dân tộc Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo, đã giành được độc lập và cuối cùng đã khẳng định được vị thế độc lập của dân tộc Việt Nam, nhân dân ta đã đứng lên làm chủ đất nước, làm chủ cuộc sống của mình. 30 năm sau bản tuyên ngôn, chúng ta đã giành được độc lập, thống nhất hoàn toàn. Trong công cuộc đổi mới, chúng ta vẫn phải tiếp tục bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của mình theo tinh thần bản Tuyên ngôn đã nêu ra.

Cuối cùng, bản Tuyên ngôn đã khẳng định nền độc lập của Việt Nam như là một sự hiển nhiên, khẳng định quyết tâm của nhân dân Việt Nam để bảo vệ nền độc lập tự do đó. Ý chí quyết tâm đó chúng ta đã trải nghiệm trong suốt 71 năm qua, cho đến bây giờ vẫn kiên cường bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ với những quyền dân tộc cơ bản mà Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 Bác Hồ đã đưa ra.

**PGS. TS Nguyễn Trọng Phúc /
Báo Tiền Phong**

NGƯỜI BẢO VỆ BÁC HỒ TRÊN LỄ ĐÀI ĐỘC LẬP

Trên Lễ đài độc lập tại vườn hoa Ba Đình ngày 2/9/1945, các bức ảnh và thước phim ghi lại buổi lễ đều có rất rõ cảnh có một người cầm ô che nắng cho Hồ Chủ tịch khi Người đọc bản Tuyên ngôn độc lập. Đó là người bảo vệ trực tiếp cho Bác. Nói theo ngôn ngữ hiện đại là bảo vệ tiếp cận. Người có vinh dự đặc biệt này là ông Chu Đình Xương, khi đó là Giám đốc Sở Liêm phóng Bắc bộ (sau là Sở Công an Bắc bộ).



Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập (ông Chu Đình Xương là người cầm ô)- Ảnh: TTXVN

Đây là lần đầu tiên Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất hiện công khai trước quốc dân đồng bào. Khi đó tuy chính quyền đã về tay nhân dân nhưng tại Hà Nội, quân Nhật vẫn còn đóng với đầy đủ vũ khí, các đảng phái phản động vẫn còn. Việc bảo vệ tuyệt đối an toàn cho Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại lễ Độc lập được đặt lên hàng đầu. Trọng trách đặc biệt này được giao cho ông Chu Đình Xương, người mấy ngày trước đó Ủy ban nhân dân Bắc bộ cử làm Giám đốc Sở Liêm phóng ở tuổi 32. Đẹp trai, giỏi tiếng Pháp và giỏi võ, dường như không ai thích hợp hơn ông Chu Đình Xương ở vị trí bảo vệ an toàn cho vị lãnh tụ.

Không chỉ được giao bảo vệ Chủ tịch Hồ Chí Minh và các thành viên Chính phủ lâm thời tham gia buổi Lễ tuyên ngôn độc lập, ông Chu Đình Xương còn được giao nhiệm vụ bảo vệ an toàn cho hàng vạn quân chúng tham dự tại lễ Độc lập. Ngay khi nhận nhiệm vụ, trong vai trò cao nhất bảo đảm an ninh của buổi lễ, ông Xương đã trực tiếp tới tận hiện trường để bố trí các vòng bảo vệ lễ đài.



Ông Chu Đình Xương (thứ hai từ trái qua), Giám đốc Công an Miền nam Trung bộ, năm 1948 cùng một số lãnh đạo UB kháng chiến Miền nam Trung bộ. Ảnh do gia đình cung cấp.

1h30 chiều ngày 2/9/1945, đoàn xe gồm 3 chiếc Citroen đưa Chủ tịch Hồ Chí Minh và các thành viên Chính phủ lâm thời từ Bắc bộ phủ trên đường Ngô Quyền rẽ ra tuyến phố Tràng Tiền – Tràng Thi – Điện Biên Phủ ngày nay tiến về Quảng trường Ba Đình. Xe chở Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thứ ba trong đoàn. Ông Xương ngồi cùng xe với Bác. Dọc tuyến đường đi, các lực lượng bảo vệ công khai và bí mật đã được bố trí từ đêm hôm trước.

Buổi lễ Độc lập không có tuyên bố lý do như thường lệ mà đi thẳng ngay vào giới thiệu các thành viên Chính phủ lâm thời. Trên lễ đài, Chủ tịch Chính

phủ Hồ Chí Minh trình trọng tuyên bố với quốc dân đồng bào và toàn thể thế giới: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”.

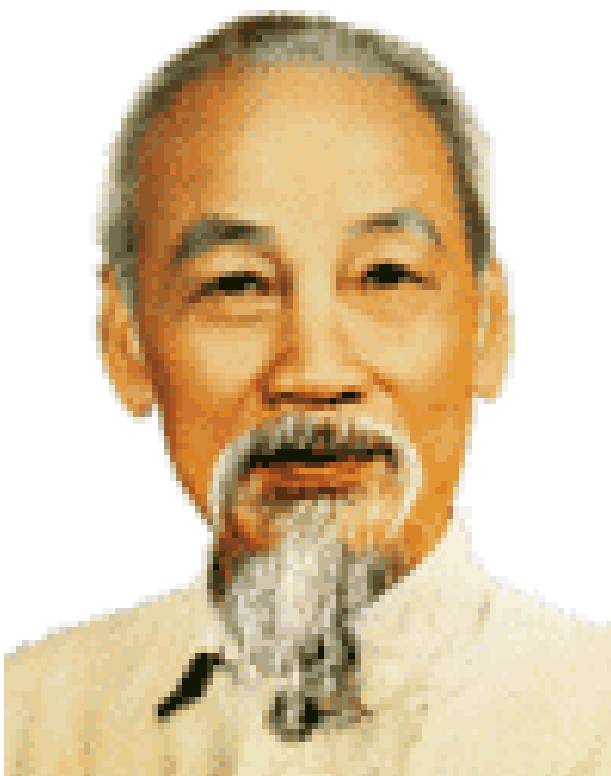
Giữa quảng trường nắng thu vàng rực rỡ, vốn là người cẩn thận, ông Chu Đình Xương không quên mang theo chiếc ô để che nắng cho Bác, khi Bác đứng trên lễ đài đọc Tuyên ngôn độc lập. Kết thúc buổi lễ, lực lượng bảo vệ đưa Bác và các thành viên Chính phủ lâm thời về lại Bắc Bộ phủ. Đây là chỗ ở và làm việc công khai của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ ngày 2/9/1945 đến

trước ngày Toàn quốc kháng chiến 19/12/1946.

Ông Chu Đình Xương sinh năm 1913, tại xã Thái Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Năm 25 tuổi, ông tham gia hoạt động cách mạng. Tháng 3/1945, ông cùng một số tù chính trị vượt ngục Sơn La về Hà Nội và tiếp tục hoạt động cách mạng. Cách mạng Tháng Tám thành công, ông được Đảng cử làm Giám đốc Sở Liêm phóng Bắc bộ và sau đó là Giám đốc Sở Công an Bắc bộ. Từ tháng 6/1946 đến tháng 7/1954, ông kinh qua nhiều chức vụ của Bộ Công an. Từ năm 1955, ông chuyển sang làm việc tại Bộ Văn hóa.

Quang Lộc /
<http://congluan.vn/>

QUYỀN CON NGƯỜI TRONG TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH



Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ thiên tài của dân tộc ta, người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào Cộng sản và công nhân quốc tế, danh nhân văn hoá thế giới. Đã hiến dâng cả cuộc đời cho mục đích đấu tranh vì quyền lợi của nhân dân Việt Nam và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Người nói: "Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành". Mong ước lớn lao đó của Người được thể hiện qua Tuyên ngôn Độc lập ngày 2/9/1945 tại Quảng trường Ba Đình lịch sử. "Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy

có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc". Lời nói bắt hủ ấy mở đầu cho Tuyên ngôn Độc lập được trích trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ, không chỉ là tư tưởng lớn về độc lập, tự do của dân tộc mà còn là tư tưởng cơ bản về quyền con người của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc và giải phóng con người luôn hòa quyện với nhau và luôn nhất quán trong toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp đấu tranh của Người. Con đường cách mạng mà Người đã chọn, cuộc cách mạng mà Người đã lãnh đạo, những chủ trương, chính sách mà người đề ra, và cả những việc làm rất cụ thể của Người, tất cả đều nhằm bảo vệ con người. Không phải ngẫu nhiên mà khi mở đầu bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắc lại câu mở đầu trong bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ năm 1776 và tiếp theo, Người còn nêu lên một câu nữa trong bản Tuyên ngôn Nhân quyền và dân quyền của cách mạng Pháp năm 1791: "Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi".

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sử dụng hai câu kinh điển đó từ hai cuộc cách mạng tư sản của hai cường quốc lớn là Mỹ và Pháp như một chân lý, không ai chối cãi được. Thông qua chân lý đó, Hồ Chủ tịch muốn khẳng định rằng, nhân dân Việt Nam hoàn toàn tán đồng và có chung ý tưởng với nhân loại về quyền bình đẳng, quyền sống và quyền mưu cầu hạnh phúc của con người; và lẽ dĩ nhiên, nhân dân Việt Nam cũng có những quyền đó như nhân dân Mỹ và nhân dân Pháp. Bằng những hành động và việc làm cụ thể của Người

trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của dân tộc, có thể khẳng định rằng, Tuyên ngôn Độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự phát triển của Bản yêu cầu mà Người đã gửi đến Hội nghị Véc-xây năm 1919, là sự phát triển chương trình hành động của Việt minh mà Người đã viết năm 1941. Đồng thời, đó cũng là sự kết tinh tất cả những quyền lợi cơ bản và nguyện vọng thiết tha nhất của toàn thể dân tộc Việt Nam.

Theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quyền con người không thể tách rời quyền của dân tộc "Tất cả các dân tộc trên thế giới, đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do". Với cách suy luận biện chứng đó, quyền của mỗi con người là lẽ tự nhiên thì quyền của mỗi dân tộc cũng là lẽ tự nhiên. Từ đó, Người kết tội các thế lực đế quốc xâm lược áp bức dân tộc Việt Nam là trái với lẽ tự nhiên, là vi phạm trắng trợn quyền con người mà cách mạng tư sản Mỹ và cách mạng Pháp đã công nhận. Với việc nâng tầm quyền con người thành quyền dân tộc, không chỉ có ý nghĩa đối với dân tộc Việt Nam mà còn có ý nghĩa đối với nhiều dân tộc bị áp bức, bóc lột khác trên thế giới. Đối với nước ta, khẳng định quyền bình đẳng giữa mọi người và mọi dân tộc là lẽ tự nhiên, là chân lý không thể nào phủ nhận được. Logic biện chứng của lập luận đó, về thực chất là Hồ Chủ tịch đã đi đến một điều khẳng định lớn lao hơn: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời cũng hoàn toàn hợp với lẽ tự nhiên, không ai có thể phủ nhận được. Thiên tài của Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là ở chỗ đó.

Quyền con người và quyền dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh bắt nguồn từ truyền thống dân tộc Việt Nam qua bốn ngàn năm dựng nước và giữ nước, sự gắn bó giữa cá nhân và

cộng đồng dân tộc trong đấu tranh chống thiên nhiên khắc nghiệt và chống kẻ thù xâm lược. Người đã từng khẳng định, dân tộc ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Mỗi khi có giặc xâm lăng thì tinh thần đó lại kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, nó lướt qua, nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước. Trong các cuộc đấu tranh chống thiên nhiên, chống giặc cướp nước, mỗi cá nhân luôn hoà quyện với cộng đồng dân tộc, tìm thấy giá trị của mình trong giá trị chung của quê hương, đất nước. Mặt khác, cũng xuất phát từ thực tế Tổ quốc đang bị thực dân đô hộ gần một thế kỷ, nên mọi quyền lợi của nhân dân, của dân tộc cũng bị bọn đế quốc vùi dập. Cho nên, giành lại quyền sống, quyền tự do độc lập, quyền làm người từ tay bọn đế quốc là mục tiêu chiến đấu của dân tộc Việt Nam và trên thực tế, Người đã lãnh đạo nhân dân ta đứng lên làm cách mạng giành lại độc lập cho dân tộc, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Châu Á.

Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình đọc trước toàn thể quốc dân đồng bào ngày 2/9/1945, đã vĩnh viễn xoá bỏ mọi sự ràng buộc bất bình đẳng giữa Việt Nam với Pháp. "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập và thực sự đã trở thành một

nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".

Giữ vững lời thề độc lập, ngay sau khi cuộc mít tinh kết thúc, ngày 3/9/1945, Chính phủ đã họp đề ra những nhiệm vụ cấp bách: cứu đói, chống đói, xoá bỏ những thứ thuế bất hợp lý do thực dân Pháp áp đặt, ban hành những quyền tự do dân chủ cho nhân dân, chuẩn bị tổng tuyển cử, thực hiện nam nữ bình đẳng, tự do tín ngưỡng, thực hiện nền giáo dục nhân dân ... Đó là những việc làm rất cụ thể của Người và Chính phủ đặt ra nhằm thực hiện quyền con người. Đặc biệt, sự ra đời của bản Hiến pháp năm 1946, hiến pháp dân chủ đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đánh dấu một bước tiến quan trọng về thực hiện dân chủ và quyền con người, quyền công dân trên một đất nước đã hơn 80 năm bị thực dân, phong kiến đô hộ, mọi quyền tự do dân chủ của con người và của dân tộc bị chà đạp. Tiếp theo, đó là hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, kéo dài 30 năm cũng không ngoài mục đích tiếp tục bảo vệ những giá trị về quyền con người và quyền độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam.

Chế Đình Quang /
<http://dangcongsan.vn>

SAU KHI GIÀNH CHÍNH QUYỀN THÁNG 8/1945 Ở HÒA THẮNG: CHUYỆN LO "CÁI ĂN, CÁI CHỮ" CHO DÂN

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công đã đem lại cuộc sống mới cho nhân dân xã Hòa Thắng (Bắc Bình). Tuy nhiên, sau khi giành thắng lợi, chính quyền

cách mạng còn non trẻ bộn bề với bao công việc, vừa thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ chính quyền còn non trẻ vừa tập trung diệt "giặc đói, giặc dốt" theo lời kêu gọi của Chủ

tịch Hồ Chí Minh. Lúc này các UBND cách mạng lâm thời xã Bình Nhơn, Bình Thiện, Hưng Long (Hòa Thắng ngày nay) đã tuyên truyền vận động nhân dân tích cực sản xuất để bảo đảm lương thực vừa góp phần kiến thiết đất nước. Mỗi hộ gia đình xã Hòa Thắng lúc bấy giờ đều có vò gạo, hũ gạo riêng, gọi là “hũ gạo cứu quốc”. Cứ mỗi lần nấu ăn thì các chị, các mẹ, các gia đình đều bỏ vào hũ lon gạo, lon đậu hoặc khoai. Không ít gia đình còn khó khăn thiếu thốn, nồi cơm chưa đầy, buổi ăn trưa chưa no, nhưng vẫn dành lon đầy, bỏ vào hũ gạo nuôi quân, “hũ gạo cứu quốc”. Và đã có biết bao hình ảnh gây xúc động lòng người chẳng hạn như: ông Nguyễn Thời và bà Lê Thị Thất, Trần Quy, Biên Tổ, Nguyễn Thị Diệp, Mai Thị Dựng, Huỳnh thị Đờm, Nguyễn Thị Xá... những người ăn bắp, khoai thay cơm vẫn dành phần gạo để nuôi quân. Mặc dù sống trên vùng quê nghèo nhưng đồng bào Bình Nhơn, Bình Thiện, Hưng Long còn nhiệt tình hưởng ứng các sắc lệnh của Chính phủ về xây dựng “quỹ độc lập”, tổ chức “tuần lễ vàng”. Nhiều người với tấm lòng tự nguyện của mình đã đóng góp từng đôi bông tai, từng sợi dây chuyền duy nhất và có người đã đóng góp cả kỷ vật ngày cưới của mình như: bà Nguyễn Thị Dịp, ông Huỳnh Biên, ông Nguyễn Hạo, má Mẫn Thị Thạch, Nguyễn Thị Thiết, Nguyễn Thị Thương... Điều đó đã nói lên phần nào tinh thần trách nhiệm, tình cảm và tấm lòng của người dân hòa Thắng đối với cách mạng.



Thắng cảnh Bàu Sen (còn gọi là Bàu Bà), xã Hòa Thắng

Cùng với cái ăn, cái mặc thì phong trào học chữ Quốc ngữ của nhân dân các xã cũng dấy lên khá sôi nổi. Sau khi được UBND cách mạng lâm thời tuyên truyền, giải thích về ý nghĩa của việc học chữ Quốc ngữ, nhân dân của các xã hưởng ứng nhiệt tình, “nhà nhà đi học, người người đi học”. Nhiều nhóm dạy chữ Quốc ngữ hình thành; nhiều ngôi nhà tranh vách đất đã trở thành điểm học, nhóm học; người biết chữ dạy người chưa biết chữ; người khá dạy người kém; học ban ngày, học ban đêm... nhiều em bé, cụ già cũng tham gia học chữ. Phong trào học chữ Quốc ngữ những ngày đầu cách mạng đã tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào “bình dân học vụ” trong thời kỳ kháng chiến và là cơ sở cho việc xóa mù chữ ở Hòa Thắng sau này.

Nhiều năm trôi qua, giờ đây Hòa Thắng không còn thiếu cái ăn cái mặc, cái chữ; mảnh đất Hòa thắng đã có nhiều điểm du lịch, du khách đến tham quan nghỉ dưỡng... nhưng trong tâm trí của bao người đứng tuổi, họ vẫn không quên những ngày cách mạng mùa thu và chuyện vừa lo diệt giặc dốt, giặc đói lúc bấy giờ.

Lê Thanh / Báo Bình Thuận